

Bản án số: 415/2026/DS-PT
Ngày 07-5-2026
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Bằng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Đào Thị Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Kim Mộc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 510/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trương Thị Thanh N, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Nguyễn Vân A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Tấn D1: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số H đường L, phường T, thành phố Cần Thơ (theo Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2023).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Đình T, sinh năm 1959 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bà Lý Thị T1, sinh năm 1950.

Cùng địa chỉ: Số H đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Cao Hữu S, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: S đường số B, KDC M, phường H, thành phố Cần Thơ (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/8/2025).

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Thanh N, bà Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Tuấn D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào năm 1987, gia đình ông Đ, bà N có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn B phần diện tích khoảng 420m² (Ngang 6m, dài 70m). Trong cùng năm này thì gia đình ông bà có tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông Phạm Thanh V (Nguyễn Ngọc G) một phần mương có diện tích khoảng 84m² (ngang 1,2m, dài 70m) phần đất này đã qua Ủy ban nhân dân phường xác nhận ngày 26/12/1987, xác nhận việc ông bà đã ở ổn định 28 năm đến năm 2014.

Ngày 10/7/1997 gia đình ông bà được Ủy ban nhân dân tỉnh C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00096, với diện tích 416m², thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không được như kê khai ban đầu của năm 1994 (7,2m x 70m) mà là (7m x 59,4m) gây ra hậu quả thiếu 10,5m tại vị trí A và 35,8m tại vị trí C thâm hậu, theo bản trích đo đạc địa chính số 09/TTKTNMT ngày 18/01/2021 của Sở Tài nguyên và môi trường thành phố C.

Năm 2014 ông Lê Đình T và Bà Lý Thị T1 có hành vi lấn chiếm phần diện tích 10,5m². Thời điểm này trên phần diện tích mà ông T và bà T1 lấn chiếm thì gia đình ông bà đã có xây hàng rào cao 3m, cột bê tông cốt thép có chiều dài khoảng 30m, xây dựng từ năm 1998. Ông T, bà T1 tự ý đập phá hàng

rào này và lấn chiếm phần diện tích nêu trên của gia đình ông bà. Trong cùng năm 2014 ông T, bà T1 tiếp tục có hành vi lấn chiếm 35,8m² ở phần hậu phía sau thửa đất mà ông bà đã sử dụng từ năm 1987, đến năm 2014 ông T tự ý rào lại và chiếm dụng luôn. Gia đình ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà T1 trả lại các phần đất đã lấn chiếm nêu trên nhưng ông T, bà T1 không trả nên gia đình ông bà khởi kiện. Tại bản án phúc thẩm ngày 21/10/2021 đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả vị trí B là 28,8m² đối với diện tích tại vị trí A, C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, do chưa hòa giải cơ sở.

Nhận thấy việc làm của ông T, bà T1 gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông bà nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 10,5m² tại vị trí A và diện tích 35,8m² tại Vị trí C theo Bản trích đo địa chính số 09/TTKTTNMT ngày 18/01/2021 của Sở T3.Cần Thơ.

Theo bản tự khai ngày 23/7/2025 của ông Lê Đình T, bà Lý Thị T1 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Cao Hữu S là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Lý Thị T1 trình bày:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần diện tích đất tranh chấp được xác định ở vị trí A và C theo Bản trích đo địa chính số 09/TTKTTNMT ngày 18/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C là không có căn cứ chấp nhận vì các lý do sau:

1. Thứ nhất: Căn cứ vào Bản án phúc thẩm số: 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 về việc tranh chấp ranh giới giữa các bất động sản liền kề của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tại trang 4 ghi nhận ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm như sau: "... ông đề nghị rút lại phần tranh chấp tại vị trí A và C do đất tranh chấp nằm ngoài giấy chứng nhận...".

Tại Công văn số 03/TA-VP ngày 26/2/2025 về việc trả lời đơn khiếu nại của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xác định: "... Theo Bản án phúc thẩm số: 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích tại vị trí B và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại vị trí A và C...".

Đến thời điểm hiện nay nguyên đơn không cung cấp được bất kỳ chứng cứ pháp lý nào để chứng minh quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất phần diện tích đất tranh chấp A và C. Giá trị về việc nguyên đơn thừa nhận phần tranh chấp ở vị trí A và C vẫn còn giá trị chứng cứ và chứng minh.

Như vậy, với những căn cứ này đủ cơ sở xác định nguyên đơn không có căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất tranh chấp.

2. *Thứ hai:* Căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 09/TTKTTNMT ngày 18/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố C xác định tại thời điểm lập sơ đồ thì tổng diện tích thực tế bị đơn đang sử dụng tại các thửa: 114, 27, 43, 171 là $1006,3\text{m}^2$. Sau khi thi hành Bản án phúc thẩm số: 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn diện tích tại vị trí B: $28,8\text{m}^2$. Như vậy thực tế bị đơn chỉ còn sử dụng diện tích: $1.006,3\text{m}^2 - 28,8\text{m}^2 = 977,5\text{m}^2$.

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn đối với các thửa 114, 27, 43, 171 liên quan đến phần diện tích tranh chấp ở các vị trí A và C thì diện tích bị đơn được nhà nước công nhận thông qua việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là 1.005m^2 .

Như vậy, sau khi thi hành bản Bản án phúc thẩm số: 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ thì bị đơn thực tế chỉ còn sử dụng $977,5\text{m}^2$ trong khi đó được sử dụng 1.005m^2 tức là bị đơn đang thiếu quyền sử dụng đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bị đơn, do vậy việc yêu cầu bị đơn trả đất cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

3. *Thứ ba:* Vụ việc tranh chấp ranh đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn đã tự nguyện thống nhất ranh để thi hành án, cũng như ổn định Bản án phúc thẩm số: 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ. Phần diện tích thực tế mà nguyên đơn sử dụng sau khi bị đơn trả cho nguyên đơn phần diện tích đất ở vị trí B theo nhận định của bản án dân sự phúc thẩm số 140/2021/DSPT đã phù hợp với diện tích đất mà nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn không còn thiếu đất nhưng vẫn cố tình khởi kiện tranh chấp để đòi phần diện tích đất mà mình không quản lý sử dụng thực tế, không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đ, bà N cùng trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại phần diện tích lần chiếm $10,5\text{m}^2$ tại vị trí A, phần diện tích lần chiếm $35,8\text{m}^2$ tại vị trí C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn theo bản trích đo đạc địa chính số 09/TTKTTNMT ngày 18/01/2021 của Trung tâm K.Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lý Thị T1 là ông Cao Hữu S trình bày: Nguyên đơn xác định diện tích tại vị trí A, C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lời thừa nhận này là chứng cứ không cần phải chứng minh.

Căn cứ theo bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm đã xét xử thì diện tích sử dụng của nguyên đơn bao gồm: Diện tích thực tế sử dụng theo bản trích đo địa chính là $386,3\text{m}^2$ + diện tích tranh chấp với ông T2 $2,48\text{m}^2$ + diện tích vị trí B $28,8\text{m}^2$ = $417,58\text{m}^2$, nguyên đơn sử dụng thực tế nhiều hơn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T không bị khiếu nại, khiếu kiện nên vẫn có giá trị pháp lý. Sau khi trả cho nguyên đơn phần đất vị trí B $28,8\text{m}^2$ diện tích của bị đơn sử dụng còn lại là $977,5\text{m}^2$ ít hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Đối với phần đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh đủ điều kiện, xác lập giao dịch hợp pháp theo quy định pháp luật. Đề nghị yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Thanh N, bà Nguyễn Vân A, ông Nguyễn Tuấn D đối với bị đơn ông Lê Đình T, bà Lý Thị T1 về yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm tại vị trí A diện tích $10,5\text{m}^2$, vị trí C diện tích $35,8\text{m}^2$.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/10/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Thanh N, bà Nguyễn Vân A và ông Nguyễn Tuấn D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Đình T, bà Lý Thị T1 trả lại phần đất lấn chiếm tại vị trí A diện tích $10,5\text{m}^2$, vị trí C diện tích $35,8\text{m}^2$.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Đồng thời yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đo đạc lại diện tích đất của cả hai bên.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Cao Hữu S cho rằng kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền

nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Thanh N, bà Nguyễn Vân A và ông Nguyễn Tuấn D được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị Thanh N cho rằng đã nhận chuyển nhượng tổng diện tích đất khoảng 504m² từ năm 1987 (bao gồm đất của ông B và phần nương của ông G), tuy nhiên khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, nguyên đơn chỉ đăng ký và được cấp diện tích 416m². Như vậy, về mặt pháp lý, quyền sử dụng đất của nguyên đơn được Nhà nước công nhận chỉ giới hạn trong phạm vi diện tích đã được cấp giấy chứng nhận. Đối với phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận (trong đó có vị trí A và C), nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hoặc đủ điều kiện để được công nhận theo quy định pháp luật đất đai.

[2.2] Tại Bản án phúc thẩm số 140/2021/DSPT ngày 21/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu đối với phần diện tích tranh chấp tại vị trí A và C với lý do phần đất này nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án đã đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này. Việc nguyên đơn thừa nhận phần đất tại vị trí A và C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vẫn có giá trị pháp lý trong việc đánh giá chứng cứ ở vụ án này. Mặt khác, sau khi bản án phúc thẩm năm 2021 có hiệu lực, các bên đã thi hành án, xác lập ranh giới sử dụng đất ổn định. Nay nguyên đơn tiếp tục khởi kiện lại đối với cùng phần diện tích đã rút yêu cầu trước đây nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Căn cứ Bản trích đo địa chính số 09/TTKTTNMT ngày 18/01/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện như sau: Diện tích đất nguyên đơn được cấp giấy: 416m²; Diện tích thực tế sử dụng sau khi được giao trả phần vị trí B (28,8m²): khoảng 415,1m², cơ bản phù hợp với giấy chứng nhận. Trong khi đó, bị đơn đang sử dụng diện tích thực tế thấp hơn diện tích được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Điều này cho thấy không có cơ sở xác định bị đơn lấn chiếm thêm đất của nguyên đơn như yêu cầu khởi kiện.

[2.4] Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đập phá hàng rào và lấn chiếm đất tại vị trí A và C. Tuy nhiên, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bao gồm biên bản làm việc của chính quyền địa phương, không thể hiện rõ việc bị đơn có hành vi phá dỡ tài sản hay chiếm dụng phần đất này. Đồng thời, cũng không có tài liệu nào thể hiện nguyên đơn đã quản lý, sử dụng ổn định, liên tục đối với phần diện tích tranh chấp.

[2.5] Từ các phân tích trên, có đủ cơ sở xác định: Phần diện tích đất tranh chấp tại vị trí A và C nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn; Nguyên đơn không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này; Không có căn cứ xác định bị đơn có hành vi lấn chiếm đất của nguyên đơn; Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án; các lập luận trong đơn kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận. Đối với yêu cầu đo đạc lại đất tranh chấp của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí: bà Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Tuấn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật do kháng cáo không được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị Thanh N là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn gồm: ông Nguyễn Văn Đ, bà Trương Thị Thanh N, bà Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Tuấn D.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 190/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cần Thơ.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

4.1. Buộc ông Nguyễn Tuấn D có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006268 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4.2. Buộc bà Nguyễn Vân A có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006269 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4.3. Miễn toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị Thanh N, do các đương sự là người cao tuổi.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Bằng